

PHÒNG GD & ĐT HUYỆN CẨM THỦY -----***-----	KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023- 2024 Môn thi : Toán - Lớp : 7 Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề) Ngày thi : 05/01/2024 (Đề thi có 02 trang gồm 21 câu)
Họ, tên thí sinh :; Số báo danh :	

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)
Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời là đúng.
Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu câu có đáp án đúng của các câu sau:

Câu 1 Kết quả của phép tính $\left(\frac{1}{5}\right)^5 : \left(\frac{1}{5}\right)^2$ bằng :

A. $\left(\frac{1}{5}\right)^7$	B. $\left(\frac{1}{5}\right)^2$	C. $\left(\frac{1}{5}\right)^3$	D. $\left(\frac{1}{5}\right)^5$
---------------------------------	---------------------------------	---------------------------------	---------------------------------

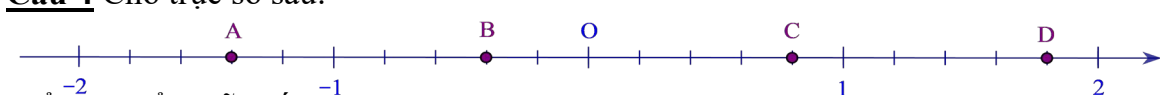
Câu 2 Số nào dưới đây là số hữu tỉ dương?

A. $\frac{-2}{-3}$	B. $\frac{-2}{15}$	C. $\frac{-5}{15}$	D. $\frac{2}{-15}$
--------------------	--------------------	--------------------	--------------------

Câu 3: Căn bậc hai số học của 64 là :

A. - 8	B. 8	C. 32	D. - 32
--------	------	-------	---------

Câu 4 Cho trục số sau:



Điểm A biểu diễn số hữu tỉ nào ?

A. $\frac{-6}{5}$	B. $\frac{-7}{5}$	C. $\frac{6}{5}$	D. $\frac{7}{5}$
-------------------	-------------------	------------------	------------------

Câu 5 Cho $|x| = \frac{2}{5}$ và $x < 0$ thì giá trị của x bằng :

A. $\frac{-2}{5}$	B. $\frac{2}{5}$	C. $x = \frac{2}{5}$ hoặc $x = \frac{-2}{5}$	D. $x = \frac{5}{2}$
-------------------	------------------	--	----------------------

Câu 6 Số nào là số vô tỉ trong các số sau :

A. $\frac{-2}{4}$	B. $\frac{3}{6}$	C. $-\sqrt{3}$	D. 10
-------------------	------------------	----------------	-------

Câu 7 Kết quả phép tính $\frac{3}{4} + \frac{1}{4} \cdot \frac{-12}{20}$ bằng :

A. $\frac{9}{10}$	B. $\frac{-6}{10}$	C. $\frac{3}{5}$	D. $\frac{2}{5}$
-------------------	--------------------	------------------	------------------

Câu 8 Kết quả của phép tính $\frac{3}{7} \cdot 0,75 - \frac{3}{7} \cdot \frac{3}{4} + 0,5$ bằng :

A. 1,5	B. 0,5	C. 0,45	D. 0,75
--------	--------	---------	---------

Câu 9 Kết quả làm tròn đến chữ số thập phân thứ tư của $\sqrt{17}$ là :

A. 4,1232	B. 4,1231	C. 4,1230	D. 4,1233
-----------	-----------	-----------	-----------

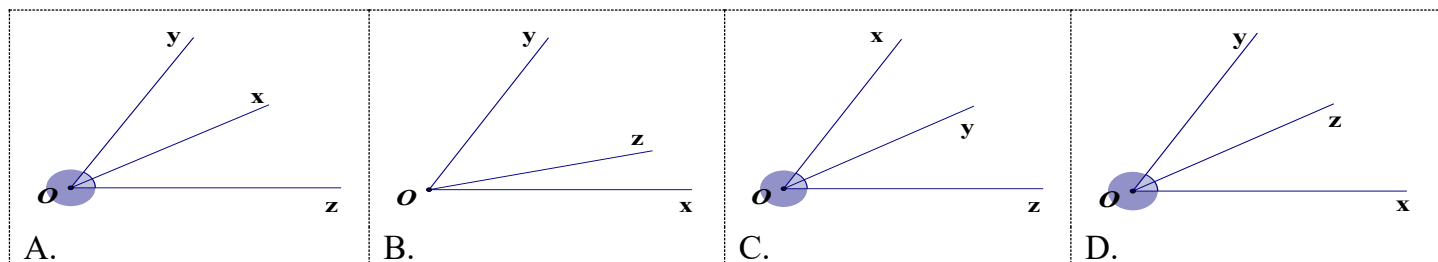
Câu 10 Cho biết $\frac{-5}{9} + x = \frac{4}{9}$. Khi đó giá trị của x bằng :

A. 1	B. $\frac{4}{9}$	C. $\frac{5}{9}$	D. -1
------	------------------	------------------	-------

Câu 11 Giá trị của biểu thức: $P = \sqrt{x^2} + 3\sqrt{x} - 5$ tại $x = 4$ là :

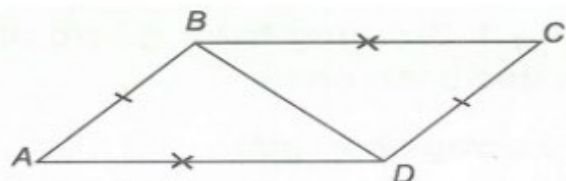
A. - 5	B. 4	C. - 4	D. 5
--------	------	--------	------

Câu 12 Trong các hình vẽ sau, hình vẽ nào thể hiện tia Oz là tia phân giác của $\angle xOy$?



Câu 13: Cho hình vẽ bên. Kết luận nào sau đây **đúng**?

A. $\triangle ABD = \triangle BCD$	B. $\triangle BAD = \triangle CDB$
C. $\triangle ABD = \triangle CBD$	D. $\triangle ABD = \triangle CDB$



Câu 14 Cho tam giác ABC cân ở B có $\angle A = 70^\circ$, thì $\angle C$ có số đo là :

A. 40°	B. 50°	C. 70°	D. 30°
---------------	---------------	---------------	---------------

Câu 15 Cho $\triangle ABC$ và $\triangle HIK$, biết $AB = HI$, $\angle B = \angle I$. Cần thêm điều kiện nào sau đây để $\triangle ABC = \triangle HIK$ theo trường hợp cạnh – góc – cạnh?

A. $BC = IK$	B. $BC = HK$	C. $\angle A = \angle H$	D. $\angle C = \angle K$
--------------	--------------	--------------------------	--------------------------

Câu 16 Cho điểm M nằm ngoài đường thẳng d. Kẻ đường thẳng c qua M, c song song với d. Số đường thẳng c có thể vẽ được là :

A. 0	B. 2	C. Vô số	D. Duy nhất
------	------	----------	-------------

PHẦN II: TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu 17(1,0 điểm) Tính giá trị của biểu thức a) $\frac{4}{7} + \frac{3}{7} \cdot \left(-\frac{2}{3}\right)$, b) $5 : \left(\frac{-5}{2}\right)^2 + \frac{2}{15} \cdot \sqrt{\frac{9}{4}} - (-2023)^0$

Câu 18(1,0 điểm). Tìm x, biết : a) $\frac{3}{5} - x = \frac{2}{7}$ b) $(x-3)^2 - \frac{1}{9} = 0$

Câu 19(1,0 điểm): Cho bảng thống kê các loại trái cây có trong cửa hàng A

Loại trái cây	Cam	Xoài	Bưởi	Mít
Số lượng	120	60	48	12

a) Bảng thống kê trên có mấy loại trái cây? Hãy tính tổng số trái cây có trong cửa hàng.

b) Hãy biểu diễn dữ liệu từ bảng thống kê vào biểu đồ hình quạt tròn.

Câu 20(2,5 điểm): Cho tam giác ABC có $AB = AC$. Trên các cạnh AB và AC lần lượt lấy các điểm M, N ($M \neq A, B; N \neq A, C$) sao cho $AM = AN$; $\angle ANM = \angle ACB$. Biết đoạn thẳng BN cắt đoạn thẳng CM tại điểm O.

a) Chứng minh $MN \parallel BC$;

b) Chứng minh $\triangle BMC = \triangle CNB$.

c) Gọi F là trung điểm của đoạn thẳng BC . Chứng minh ba điểm A, O, F là ba điểm thẳng hàng.

Câu 21(0,5 điểm) Cho 3 số $a; b; c$ thỏa mãn điều kiện $a.b.c = 2023$. Tính giá trị biểu thức

$$P = \frac{2023a}{a.b + 2023a + 2023} + \frac{b}{b.c + b + 2023} + \frac{c}{a.c + c + 1}$$

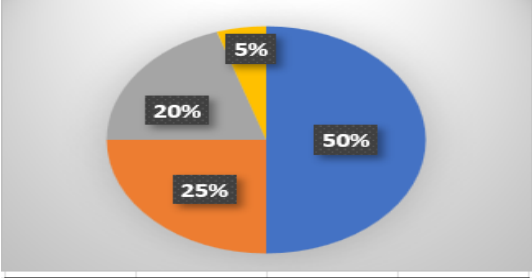
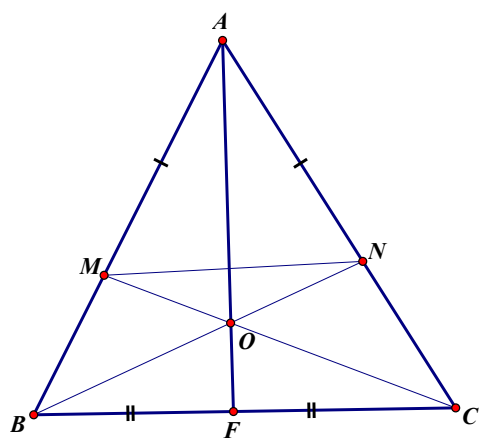
PHÒNG GD & ĐT HUYỆN CẨM THỦY -----***-----	HD CHẤM KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024 Môn thi: Toán - Lớp 7 Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề) Ngày thi:/...../2023 <i>(HD chấm gồm 03 trang)</i>
---	--

I/ **PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm):** Mỗi ý đúng được 0,25 điểm

Hướng dẫn chấm																
Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	C	A	B	B	A	C	C	B	B	A	D	D	D	C	A	D

II/ **TỰ LUẬN (4,0 điểm):**

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 17 (1,0đ)	a) $\frac{4}{7} + \frac{3}{7} \cdot \left(-\frac{2}{3}\right) = \frac{4}{7} + \frac{-2}{7} = \frac{2}{7}$	0,5
	b) $5 : \left(\frac{-5}{2}\right)^2 + \frac{2}{15} \cdot \sqrt{\frac{9}{4}} - (-2023)^0 = 5 \cdot \frac{4}{25} + \frac{2}{15} \cdot \frac{3}{2} - 1 = \frac{4}{5} + \frac{1}{5} - 1 = 0$	0,5
Câu 18 (1,0đ)	a) $\frac{3}{5} - x = \frac{2}{7}$ $x = \frac{3}{5} - \frac{2}{7}$ $x = \frac{21}{35} - \frac{10}{35}$ $x = \frac{11}{35}$	0,25 0,25
	b) $(x-3)^2 - \frac{1}{9} = 0$ $(x-3)^2 = \frac{1}{9}$ $x-3 = \pm \frac{1}{3}$ TH1: $x-3 = \frac{1}{3}$ $x = \frac{1}{3} + 3$ $x = \frac{10}{3}$ TH2: $x-3 = -\frac{1}{3}$ $x = \frac{-1}{3} + 3$ $x = \frac{8}{3}$	0,25
		0,25

Câu 19 (1,0đ)	a) Bảng thống kê có 4 loại trái cây: Cam, Xoài, Bưởi, Mít. Tổng số trái cây có trong cửa hàng là: $120 + 60 + 48 + 12 = 240$ b) Tỷ lệ % của Cam, Xoài, Bưởi, Mít lần lượt là: 50%; 25%; 20%; 5%.		0,25 0,25 0,25								
	Tỷ lệ % của Cam, Xoài, Bưởi, Mít  <table><tr><th>Cam</th><th>Xoài</th><th>Bưởi</th><th>Mít</th></tr><tr><td>50%</td><td>25%</td><td>20%</td><td>5%</td></tr></table>		Cam	Xoài	Bưởi	Mít	50%	25%	20%	5%	0,25
Cam	Xoài	Bưởi	Mít								
50%	25%	20%	5%								
Câu 20 (2,5đ)	Vẽ hình đủ, ghi GT, KL		0,25								
	a) Vì $\angle ANM = \angle ACB(gt)$. Mà $\angle ANM$ và $\angle ACB$ ở vị trí đồng vị nên $MN \parallel BC$		0,25 0,25 0,25								
	b) Vì $AB = AC(gt), AM = AN(gt) \Rightarrow BM = CN$ Vì $AB = BC(gt)$ nên $\triangle ABC$ cân tại A $\Rightarrow \angle ABC = \angle ACB$ hay $\angle MBC = \angle NCB$ +) Xét $\triangle BMC$ và $\triangle CNB$ có: $BM = CN$ (cmt) $\angle MBC = \angle NCB$ (cmt) BC chung $\Rightarrow \triangle BMC = \triangle CNB(c-g-c)$		0,25 0,25 <								

	$P = \frac{a.b.c.a}{a.b(1+c.a+c)} + \frac{b}{b.(c+1+a.c)} + \frac{c}{a.c+c+1} =$ $= \frac{c.a}{1+c.a+c} + \frac{1}{c+1+a.c} + \frac{c}{a.c+c+1} = \frac{ac+1+c}{ac+c+1} = 1$	0,25
--	--	-------------

Chú ý: HS làm theo cách làm khác nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.